

NHỮNG NĂNG LỰC CHỦ NHIỆM LỚP CẦN RÈN LUYỆN, PHÁT TRIỂN CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM

MAI TRUNG DŨNG*

Ngày nhận bài: 05/06/2016; ngày sửa chữa: 14/06/2016; ngày duyệt đăng: 15/06/2016.

Abstract: To perform functions and duties of the homeroom teacher at the school student teachers must be trained and developed homeroom teacher competencies such as information collection, classroom planning, team building, educational activity management, individual student's education, coordination with the education forces, assessments, etc. With these competences, homeroom teacher of class is not only the subject teacher, but also the manager-who supports principal to manage classroom activities.

Keywords: Homeroom teacher of class, homeroom capacity.

Sinh viên (SV) các trường đại học sư phạm là đội ngũ giáo viên (GV) tương lai của đất nước, là nhân tố đóng vai trò quyết định tới chất lượng giáo dục thế hệ trẻ. Vì vậy, để SV có thể đảm đương được những nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ trong các trường học sau khi ra trường, cần phải được rèn luyện, phát triển các năng lực (NL) sư phạm; trong đó, có NL chủ nhiệm lớp (NLCNL) của GV. Bài viết đề cập đến những NLCNL cốt lõi cần rèn luyện, phát triển cho SV đại học sư phạm.

1. Một số khái niệm

1.1. Giáo viên chủ nhiệm (GVCN). “GVCN là người thay mặt Hiệu trưởng quản lí, giáo dục học sinh (HS); tổ chức, hướng dẫn các hoạt động của lớp do mình phụ trách; phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để giáo dục HS”[1]. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ bàn đến GVCN là người làm công tác chủ nhiệm trong các cơ sở giáo dục ở trường phổ thông. Ở nhà trường phổ thông, đơn vị cơ bản được thành lập để tổ chức giảng dạy và giáo dục HS đó là lớp học. Để quản lí và giáo dục HS của lớp học, nhà trường cử ra một trong những GV đang giảng dạy ở lớp đó có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện đứng ra làm chủ nhiệm lớp trong một năm học hoặc trong tất cả các năm tiếp theo của cấp học. Như vậy, có thể hiểu: *GVCN là GV chính, GV chủ chốt, chịu trách nhiệm quản lí, giáo dục HS trong một lớp học.*

1.2. “Năng lực chủ nhiệm lớp”:

1.2.1. Năng lực: NL là vấn đề được quan tâm dưới nhiều góc độ:

- Trong các giáo trình **Tâm lí học**, NL được hiểu là tổ hợp những thuộc tính độc đáo của cá nhân phù

hợp với những yêu cầu đặc trưng của một hoạt động nhất định nhằm đảm bảo cho hoạt động đó đạt kết quả tốt.

- Theo **Từ điển Giáo dục học**: *NL được hiểu là khả năng được hình thành, phát triển, cho phép một con người đạt thành công trong một hoạt động thể lực, trí lực hoặc nghề nghiệp* [2; tr 267s].

- Trong lĩnh vực đào tạo nghề nghiệp thường quan niệm: *NL là tổ hợp của kiến thức, kĩ năng và thái độ thực hiện nhiệm vụ một cách thành công theo chuẩn xác định* [3]. Với ý nghĩa đó, NL còn được gọi là NL hành động, NL thực hiện và nó thể hiện qua: sự thực hiện ở một trình độ chấp nhận được của kĩ năng; tổ chức việc hoàn thành các công việc; tuân thủ và phản ứng lại một cách thích hợp khi có vấn đề sai hỏng; hoàn thành đầy đủ vai trò của mình theo tiến độ công việc; vận dụng các kiến thức và kĩ năng vào các tình huống mới.

Trong bài viết này, chúng tôi quan niệm: *NL là sự kết hợp, vận dụng linh hoạt đồng thời những kiến thức, kĩ năng và thái độ cần có để hoàn thành tốt một nhiệm vụ hay một công việc được giao.*

1.2.2. Năng lực chủ nhiệm lớp. NLCNL là một loại NL chuyên biệt của người GVCN, được thể hiện thông qua hoạt động công tác chủ nhiệm lớp; do đó, nó cũng là sự kết hợp, vận dụng của kiến thức, kĩ năng, thái độ về đối tượng công tác chủ nhiệm lớp và cả hoạt động công tác chủ nhiệm lớp của GVCN.

Theo chúng tôi, NLCNL là sự tương xứng giữa một bên là tổ hợp những thuộc tính tâm - sinh lí của

* Trường Đại học Tây Bắc

GVCN và bên kia là những yêu cầu của một dạng hoạt động chủ nhiệm cụ thể đang đặt ra cho GVCN. NLCNL phải được thể hiện trong kết quả hoạt động hay NLCNL là tổ hợp những yếu tố tâm - sinh lí cá nhân đáp ứng những đòi hỏi của một hoạt động chủ nhiệm nào đó. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, không chỉ yêu cầu của một dạng hoạt động, mà phải là bản thân của hoạt động chủ nhiệm lớp, với đầy đủ cấu trúc của nó. Sự tổ hợp hay tích hợp ở khái niệm trên là sự kết hợp, phối hợp các thuộc tính tâm - sinh lí của cá nhân thành một NLCNL trong hoạt động công tác chủ nhiệm lớp.

Như vậy, NLCNL vừa có những đặc điểm, tính chất chung của NL, bao gồm các yếu tố tâm - sinh lí được hình thành và phát triển trong hoạt động và bằng hoạt động. Tuy nhiên, NLCNL có cấu trúc và đặc điểm riêng so với NL nói chung. NL được coi là cái chung, còn NLCNL được coi là cái riêng, cái đặc thù của GVCN.

2. Những NLCNL cần rèn luyện, phát triển cho SV sư phạm

Cấu trúc NL nghề sư phạm gồm nhiều NL thành phần như: NL dạy học, NL nghiên cứu khoa học, NL xã hội, NL phát triển nghề nghiệp...; nên có thể coi NLCNL là một tiêu chuẩn, trong đó có các tiêu chí và các chỉ báo thuộc tiêu chí. Do đó, NLCNL cần rèn luyện, phát triển cho SV sư phạm được chúng tôi xác định và diễn đạt bằng các tiêu chí và chỉ báo sau:

Tiêu chí 1. NL tìm hiểu HS lớp chủ nhiệm: - Có kiến thức về đặc điểm tâm - sinh lí lứa tuổi của HS trung học phổ thông; đồng thời, hiểu rõ đặc điểm riêng của từng HS trong lớp chủ nhiệm; nguyên tắc tiếp cận tích cực đối với từng HS; - Xác định được các nội dung tìm hiểu HS, gia đình HS lớp chủ nhiệm; - Sử dụng các phương pháp, hình thức thu thập thông tin về HS và gia đình HS hợp lí, hiệu quả; - Biết cách xử lí các thông tin thu được để thành lập hồ sơ về HS lớp chủ nhiệm.

Tiêu chí 2. NL lập kế hoạch chủ nhiệm lớp: - Có kiến thức về lập kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp; - Biết xác định đặc điểm của cá nhân, tập thể HS và môi trường giáo dục; - Xây dựng được kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp (tháng, tuần, công việc); trong đó, xác định rõ mục tiêu, nội dung, biện pháp, thời điểm, nguồn lực và kết quả mong đợi.

Tiêu chí 3. NL xây dựng và phát triển tập thể HS: - Có kiến thức về tập thể, các giai đoạn phát triển tập thể HS; - Biết chọn ra được "thủ lĩnh" có uy tín thực sự đối với tập thể lớp; biết phát hiện ra năng khiếu của từng HS để giúp HS phụ trách các mặt hoạt động của

lớp; - Biết xây dựng "viễn cảnh", "dư luận" tập thể lành mạnh và truyền thống của tập thể; - Biết xây dựng được những quy tắc, quy định trong tập thể lớp phù hợp với thực tế, được HS chấp nhận và tuân thủ; - Biết thiết lập và duy trì "bầu không khí" tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau trong lớp; khuyến khích HS nâng cao trách nhiệm với bản thân và tập thể, tinh thần tự giác và chịu trách nhiệm lẫn nhau.

Tiêu chí 4. NL tổ chức giờ sinh hoạt lớp: - Xây dựng được kế hoạch tổ chức giờ sinh hoạt lớp dựa trên kế hoạch giáo dục của tháng với các hình thức khác nhau như: *Tổng kết, đánh giá thi đua và xây dựng kế hoạch; Hình thức hỗn hợp; Tổng kết thi đua và sinh hoạt theo chủ đề; Thảo luận chuyên đề/chủ điểm; Giao lưu - đối thoại với người trong cuộc; Tổ chức các hội thi...*; - Biết tổ chức, hướng dẫn HS tự tổ chức các hoạt động, nội dung của giờ sinh hoạt lớp đã được thể hiện trong bản kế hoạch; - Biết tổng kết, nhận xét, đánh giá tình hình học tập, tu dưỡng đạo đức của HS trong tuần.

Tiêu chí 5. NL giáo dục cá biệt: - Có kiến thức về cách tiếp cận cá nhân dựa trên đặc điểm tâm - sinh lí lứa tuổi và đặc điểm cá nhân; - Biết xác định nguyên nhân có thể của những hành vi tiêu cực của các em, từ đó xác định được nguyên nhân đích thực của hành vi tiêu cực/hành vi sai lệch ở HS; - Làm cho HS thay đổi cách nghĩ, quan niệm, niềm tin sai lệch dẫn đến hành vi sai lệch; - Khơi dậy lòng tự trọng và tự tôn giá trị để tự giáo dục và hoàn thiện bản thân. Kết hợp sử dụng "dư luận" tập thể để điều chỉnh hành vi tiêu cực của HS trong lớp; - Làm cho HS trong lớp ứng xử thiện chí và tôn trọng lẫn nhau; - Biết phối hợp với các lực lượng giáo dục cùng giúp đỡ HS chuyển đổi thái độ và hành vi, đánh giá hiệu quả thông qua các tác động giáo dục.

Tiêu chí 6. NL đánh giá kết quả rèn luyện, tu dưỡng của HS: - Có kiến thức về đánh giá kết quả rèn luyện, tu dưỡng HS; - Xác định mục đích và nội dung đánh giá với các tiêu chí phù hợp; - Xác định hình thức, phương pháp, kĩ thuật thiết kế công cụ đánh giá đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị; - Biết sử dụng công cụ để thu thập thông tin đa chiều từ nhiều nguồn khác nhau; xử lí, phân tích thông tin để đưa ra kết luận đánh giá khách quan, có tác dụng giáo dục và khích lệ HS; - Tổ chức hoạt động tự đánh giá của HS về kết quả giáo dục của bản thân.

Tiêu chí 7. NL xây dựng và sử dụng hồ sơ sổ sách chủ nhiệm lớp: - Có kiến thức về xây dựng và sử dụng hồ sơ sổ sách (đặc điểm, chức năng, yêu cầu, cách sử dụng, tác nghiệp từng loại hồ sơ quản lí lớp HS),

cũng như hiểu được ý nghĩa của từng loại; - Biết xây dựng và quản lý hồ sơ chủ nhiệm; - Sử dụng hồ sơ chủ nhiệm để theo dõi sự phát triển cá nhân và tập thể và điều chỉnh kế hoạch.

Tiêu chí 8. NL phối hợp các lực lượng giáo dục:
- Có kiến thức về phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường; - Biết lập kế hoạch phối hợp với phụ huynh HS, GV bộ môn, Đoàn Thanh niên và các lực lượng giáo dục có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thống nhất tác động giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục; - Tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp các lực lượng trong giáo dục HS; - Biết đánh giá việc thực hiện kế hoạch phối hợp các lực lượng trong giáo dục HS; - Biết phân tích các nội dung, hình thức, biện pháp... phối hợp với phụ huynh HS trong hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của HS; - Biết thiết kế kế hoạch làm việc với phụ huynh HS dưới các hình thức khác nhau (hội nghị phụ huynh HS, cuộc thăm gia đình HS...).

Trên đây là những NL thành phần của NLCNL mà các cơ sở đào tạo GV cần quan tâm rèn luyện, phát triển cho SV sư phạm. Đây cũng là yêu cầu tất yếu để chuẩn bị cho SV tốt nghiệp có thể đáp ứng

được đòi hỏi của thực tiễn công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông và đổi mới công tác giáo dục ở trường phổ thông hiện nay. Vì vậy, các cơ sở đào tạo GV cần: rà soát lại chương trình, nội dung và phương thức đào tạo để xác định những nội dung cần bổ sung, điều chỉnh; xác định những phương thức đào tạo phù hợp để tạo ra những NL thành phần của NLCNL nói trên; xây dựng và hướng dẫn quy trình rèn luyện từng NL thành phần tại các cơ sở giáo dục đại học hoặc trong thực hành - thực tập sư phạm ở trường phổ thông; gắn đào tạo sư phạm với giáo dục phổ thông, tăng cường thực hành, thực tập sư phạm là con đường hữu ích để đạt được các NL cần thiết cho SV sư phạm. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thanh Bình (2011). *Một số vấn đề công tác chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Văn Giao - Nguyễn Hữu Quỳnh - Vũ Văn Tảo - Bùi Hiền (2001). *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển Bách khoa.
- [3] Nguyễn Đức Trí (2010). *Giáo dục nghề nghiệp - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Khoa học Kỹ thuật.
- [4] Nguyễn Văn Hộ (2011). *Công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Hà Nhật Thăng (2001). *Công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Quan hệ công chúng và vai trò...

(Tiếp theo trang 136)

GD-ĐT như Nhật Bản với quan điểm coi “*Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu; cần kết hợp hài hòa giữa bản sắc văn hóa lâu đời phương Đông với những tri thức Phương Tây hiện đại*”; hay Singapore với phương châm “*Thắng trong cuộc đua về giáo dục sẽ thắng trong cuộc đua về phát triển kinh tế*”; Mỹ cũng luôn chú trọng đến việc “*Tập trung cho đầu tư GD-ĐT và thu hút nhân tài*”;... Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn thế hệ trẻ “*Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang sánh vai cùng các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em*” (**Hồ Chí Minh toàn tập**, 1995, tập 4, tr 33). Lời dạy của Người chứa đựng toàn bộ giá trị chân lí của thời đại mang tên Người. Để không bị tụt hậu, để xây dựng và phát triển thành công một đất nước độc lập tự do theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì rất cần phải nhận thức rõ hơn nữa vị trí và vai trò của GD-ĐT, những chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục để

phát huy tối đa mọi nguồn lực cho giáo dục. Hoạt động của giáo dục là hoạt động vì lợi ích của chính công chúng, không thể tách khỏi công chúng. Vì thế PR trong giáo dục ở nước ta hiện nay cần được các nhà quản lí, các cơ sở giáo dục coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
- [2] Đinh Thúy Hằng (2006). *Quan hệ công chúng: một ngành công nghiệp đầy thách thức*. Học viện Báo chí và Tuyên truyền, www.ajc.edu.vn.
- [3] Thanh Hương. “*Bí quyết quảng cáo và quan hệ công chúng*”. VnExpress (27/12/2005).
- [4] Frank Jefkins (2004). *Phá vỡ bí ẩn của PR*. NXB Trẻ TP. Hồ Chí Minh.
- [5] John J. Macionis (2004). *Hành vi tập thể và vận động xã hội*. NXB Thống kê.
- [6] IFC (2006). *Quan hệ công chúng*. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [7] Moi Ali (2006). *Effective Public Relations*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.